TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/DS-ST
Ngày: 24-7-2018
V/v : Tranh chấp hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Lê Minh Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trọn**

2. Ông **Nguyễn Tuyễn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hồ Thị Ngọc Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa :
Ông **Lê Văn Hoàng** - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số : 96/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc: "Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐST-DS ngày 29/6/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1954, có mặt,
Địa chỉ: Tổ 37, ấp CA, xã CG, huyện GD, Tây Ninh.
+ Bị đơn: Bà **Võ Thị Ngọc O**, sinh năm: 1964, có mặt,
Trú tại: Tổ 22, ấp CB, xã CG, huyện GD, Tây Ninh.

+ Người làm chứng:

1/ Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1960, yêu cầu giải quyết vắng mặt
Địa chỉ: Ấp CT, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh

2/ Bà **Lương Thị T**, sinh năm: 1955, yêu cầu giải quyết vắng mặt
Địa chỉ: Ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-4-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Ngọc O trả số tiền hụi là 216.000.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền vay.

Bà là hàng xóm của bà O, bà và chị của bà O là bạn bè với nhau. Bà O có nhờ bà tham gia hụi của người khác dùm là hụi của bà Trần Thị H và bà Lương Thị T cụ thể như sau:

+ Hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 08/11/2017 âm lịch, do bà Trần Thị H làm chủ hụi, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần. Hụi này chưa mãn, bà vẫn góp hụi đầy đủ cho chủ hụi nhưng bà O không giao tiền đóng hụi, nên bà O còn nợ bà tính đến mãn hụi 23 kỳ là 115.000.000 đồng.

+ Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/10/2017 âm lịch, do bà Trần Thị H làm chủ hụi, bà tham gia dùm 01 phần hụi, gồm 24 phần. Hụi này đến nay chưa mãn, bà vẫn đóng hụi đầy đủ cho chủ hụi nhưng bà O không giao tiền cho bà nên bà O nợ bà tính đến mãn hụi là 23 kỳ hụi, tổng cộng là 69.000.000 đồng.

+ Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/10/2017 âm lịch, do bà Lương Thị T làm chủ hụi, bà tham gia dùm cho bà O 02 phần hụi, gồm 24 phần. Hụi này đến nay chưa mãn, bà vẫn đóng hụi đầy đủ cho chủ hụi nhưng bà O không giao tiền góp hụi nên bà O nợ bà tính đến mãn hụi là 23 kỳ hụi, tổng cộng là 46.000.000 đồng.

Vào tháng 11 và 12/2017 (âm lịch) bà O có giao cho bà tiền góp hụi được 14.000.000 đồng nên bà O còn nợ lại là 216.000.000 đồng. Ngoài ra, bà yêu cầu bà O trả số tiền vay 8.000.000 đồng, đây là tiền vay cho trả góp hàng ngày. Tổng cộng bà yêu cầu bà O trả số tiền là 224.000.000 đồng.

Bà xác nhận giữa bà và bà O có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng ngoại tệ như sau: vào tháng 6/2017 (âm lịch) với số tiền 2.000 USD, đến tháng 6/2017 (âm lịch) thứ 2 trong năm với số tiền 2.000 USD và tháng 7/2017 (âm lịch) với số tiền 2.000 USD), nhưng vào ngày 15-11-2017 (âm lịch) hai bên đã chuyển sang tiền hụi, bà không đồng ý việc bà O trả lại số tiền vay 6.000 USD.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-5-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Võ Thị Ngọc O trình bày:

Vào tháng 6/2017 (âm lịch) bà có vay của bà H 2.000 USD (đô la Mỹ), thỏa thuận lãi suất 2.400.000 đồng/tháng, hai bên có làm giấy tờ giao bà H giữ, sau khi vay bà có trả được tiền lãi suất 01 tháng là 2.400.000 đồng. Đến tháng 6/2017 (âm lịch) thứ 2 trong năm 2017 bà có vay thêm 2.000 USD nữa, bà có ký tên vay thêm vào tờ giấy trước đó, sau khi vay bà trả tiền lãi của 02 lần vay được 01 tháng là 4.800.000 đồng. Đến tháng 7/2017 (âm lịch) bà tiếp tục vay thêm 2000 USD, bà có ký tên vay thêm vào

tờ giấy trước đó, sau khi vay bà tiếp tục trả tiền lãi suất đầy đủ mỗi tháng 7.200.000 đồng từ tháng 7/2017 (âm lịch) cho đến tháng 10/2017 (âm lịch) là 04 tháng tổng cộng 28.800.000 đồng. Sau đó hai bên có thỏa thuận chuyển sang tiền hụi có làm giấy tay, nên khoảng 1,5 tháng sau là vào tháng 12/2017 (âm lịch) bà trả cho bà H 14.000.000 đồng do không đủ tiền nên bà trả 14.000.000 đồng thay vì 15.000.000 đồng. Sau đó bà Hương đi nói với những người hàng xóm là bà "ăn giựt" rồi bà H xúi giục những người hàng xóm là chủ hụi khác của bà đi thưa kiện nhưng họ không thưa kiện theo như đề nghị của bà H. Vì vậy, từ đó đến nay bà không đóng hụi thêm cho bà H.

Bà O yêu cầu được trả cho bà H tiền vay ban đầu là 6.000 USD (đô la Mỹ) và đồng ý trả 8.000.000 đồng tiền vay trả góp. Bà O không đồng ý trả thêm tiền lãi suất vì từ tháng 12/2017 (âm lịch) thì bà H đã thay đổi thỏa thuận và đi nói xấu bà. Bà O không đồng ý tiếp tục trả tiền hụi, thực sự bà không biết chủ hụi và không nhận tiền đăng hụi, bà không yêu cầu đối với số tiền hụi 14.000.000 đồng đã trả cho bà Hương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, ông Lê Văn Hoàng phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

Xuất phát từ hợp đồng vay ngoại hối là vô hiệu do vi phạm điều cấm, nên việc bà H và bà O thỏa thuận chuyển từ vay ngoại hối sang hợp đồng góp hụi và bà H yêu cầu bà O trả số tiền 216.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Việc chuyển sang hợp đồng góp hụi là để che dấu hợp đồng trước đó đã vi phạm điều cấm.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của bà H đối với bà O số tiền vay 8.000.000 đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi suất;

+ Tuyên bố hợp đồng vay tài sản bằng ngoại tệ là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là buộc bà O trả lại cho bà Hương 6.000 USD được quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử, buộc bà O nộp lại số tiền lãi 36.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị H yêu cầu bà Võ Thị Ngọc O trả số tiền bà O nhờ tham gia góp hụi 216.000.000 đồng và số tiền vay 8.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đối chiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản"

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Bà Trần Thị H yêu cầu bà Võ Thị Ngọc O trả số tiền hụi là 216.000.000 đồng. Bà H cho rằng bà O có nhờ bà tham gia hụi của người khác dùm là bà Trần Thị H và Lương Thị T làm chủ hụi tính đến mãn hụi là 224.000.000 đồng, vào tháng 11 và 12/2017 (âm lịch) bà O có trả cho bà được 14.000.000 đồng tiền hụi nên bà O còn nợ lại là 216.000.000 đồng. Bà H xác nhận vào tháng 6/2017 (âm lịch) bà cho bà O vay tiền bằng ngoại tệ với số tiền 2.000 USD, đến tháng 6/2017 (âm lịch) thứ 2 trong năm cho vay tiếp với số tiền 2.000 USD và tháng 7/2017 (âm lịch) với số tiền 2.000 USD, hai bên có làm giấy tay vay tiền và bà O có ký tên các lần vay. Bà xác nhận có nhận tiền lãi suất của bà O đầy đủ đến tháng 10/2017 (âm lịch) tổng cộng là 36.000.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 15-11-2017 (âm lịch) hai bên đã chuyển sang tiền hụi, có làm giấy tay nội dung bà O nhờ bà tham gia hụi dùm nên bà trả lại giấy vay tiền cho bà O.

Bà Võ Thị Ngọc O xác nhận có vay tiền bằng ngoại tệ của bà H tổng cộng là 6.000 USD vào thời gian 02 (hai) tháng 6 và tháng 7/2017 (âm lịch), lãi suất 2.400.000 đồng/tháng đối với 2.000 USD, bà đã trả tiền lãi suất đầy đủ cho bà H đến tháng 10/2017 (âm lịch) tổng cộng là 36.000.000 đồng. Bà O xác nhận vào ngày 15-11-2017 (âm lịch) hai bên có thỏa thuận chuyển sang tiền hụi, bà nhờ bà H tham gia góp hụi dùm cho bà, bà góp tiền hụi hàng tháng nên bà H đã trả lại giấy vay tiền bằng ngoại tệ cho bà, giấy này hiện nay không còn. Vào tháng 12/2017 (âm lịch) bà O có trả cho bà H số tiền hụi là 14.000.000 đồng, thực tế bà không trực tiếp tham gia góp hụi, không nhận tiền lĩnh hụi, không có sự thống nhất với các chủ hụi.

Từ những tình tiết, sự việc nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thực tế giữa bà H và O có xác lập hợp đồng vay tiền bằng ngoại tệ tổng cộng là 6.000 USD vào thời gian 02 (hai) tháng 6 và tháng 7/2017 (âm lịch), lãi suất 2.400.000 đồng/tháng đối với 2.000 USD, hai bên có lập giấy vay tiền nhưng hiện nay không còn. Bà H xác nhận đã nhận tiền lãi suất đến tháng 10/2017 (âm lịch) tổng cộng là 36.000.000 đồng. Đến ngày 15-11-2017 (âm lịch) hai bên thỏa thuận chuyển sang hợp đồng góp hụi, hai bên hủy bỏ hợp đồng vay tiền bằng ngoại tệ, hàng tháng bà O trả tiền hụi cho bà H.

Bà H và bà T là các chủ hụi xác định không tham gia hợp đồng góp hụi đối với bà O, không quen biết bà O, không biết có sự thỏa thuận về hụi giữa bà H và bà O. Xét thấy việc bà H và bà O tự thỏa thuận hợp đồng góp hụi với nhau không có sự thống nhất với các chủ hụi, thực tế bà O không có tham gia góp hụi với các chủ hụi, không được lĩnh (lãnh) hụi là chưa đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, các Điều 6, 7, 8, 9 và 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27-11-2006 về họ, hụi, biêu, phường. Việc bà H và bà O thỏa thuận hợp đồng góp hụi là nhằm che giấu hợp đồng vay bằng ngoại tệ là không đúng quy định của pháp luật nên cần tuyên bố hợp dồng góp hụi vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là phù hợp với Điều 124, 131 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005 (Sửa đổi, bổ sung năm 2013): *"Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam."*.

Xét thấy, ngoại tệ là một loại ngoại hối hạn chế sử dụng. Bà H và bà O xác lập hợp đồng vay tài sản bằng ngoại tệ là vi phạm pháp luật nên cần tuyên bố hợp đồng vay tài sản bằng ngoại tệ là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là phù hợp với Điều 123, 131 Bộ luật Dân sự.

Hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bà O không yêu cầu đối với số tiền 14.000.000 đồng là tiền hụi đã giao cho bà H nên cần ghi nhận. Bà H và bà O xác lập hợp đồng vay tài sản bằng ngoại tệ là vi phạm pháp luật nên cần buộc bà O trả lại cho bà H 6.000 USD được quy đổi thành giá trị tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 135.864.000 đồng (1 USD = 22.644 VND theo tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 23-7-2018) và cần sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền lãi suất bà H đã nhận là 36.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng vay tài sản số tiền 8.000.000 đồng bà O xác nhận có nợ và đồng ý trả nên cần công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự là phù hợp.

[3]Về án phí: Bà H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà O phải chịu 7.193.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (5% của số tiền 143.864.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, 124, 131, 463, 466 và 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005 (Sửa đổi, bổ sung năm 2013); điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố hợp đồng góp hụi theo giấy tay ngày 15-11-2017 (âm lịch) giữa bà Trần Thị H và bà Võ Thị Ngọc O là vô hiệu.

Hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Ghi nhận bà O không yêu cầu đối với số tiền hụi 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

2. Tuyên bố hợp đồng vay tài sản bằng ngoại tệ (USD) giữa bà Trần Thị H và bà Võ Thị Ngọc O là vô hiệu.

Hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Buộc bà Võ Thị Ngọc O phải trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 135.864.000 (một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng (tương đương với 6.000 USD tại thời điểm xét xử sơ thẩm).

Buộc bà Trần Thị H phải nộp lại số tiền lãi suất đã nhận 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng để sung công quỹ Nhà nước.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Bà Võ Thị Ngọc O xác nhận có nợ bà Trần Thị H số tiền vay 8.000.000 (tám triệu) đồng và đồng ý trả số tiền này.

4. Án phí: Bà Trần Thị H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí. Bà Võ Thị Ngọc O phải chịu 7.193.200 (bảy triệu một trăm chín mươi ba ngàn hai trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (bà Hương) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (bà Oanh) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Hiếu